

Diễn biến thị trường trong phiên

Rating	VNI	HNXI	UPCOM
<b>Điểm</b>	956.4	106.2	50.5
% ngày	0.70	-0.56	0.38
% tuần	2.39	0.58	0.86
% tháng	-0.46	-0.01	-2.88
% năm	22.06	4.92	-10.56
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	3,418.95	424.09	203.71
Hôm qua	3,025.67	522.70	190.11
TB 1 tháng	3,048.80	512.60	157.48
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	457.55	16.69	36.75
Bán	526.81	6.72	32.73
Giá trị ròng	(69.26)	9.97	4.02
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	143	71	83
Mã Giảm	132	73	64
Không Đổi	78	240	587
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17x	10.7x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,020	201	815
LS Cổ tức	2.00	2.70	4.07

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Nhóm Largecaps đã mất đi sự đồng thuận trước sự chiếm ưu thế của bên bán. Độ rộng toàn thị trường kém đi nhanh chóng trong phiên chiều cho thấy phần lớn các nhóm cổ phiếu đồng loạt bị chốt lời về cuối phiên. Tuy vậy, yếu tố tích cực nhất là lực cầu vẫn duy trì ở mức cao ở nhóm cổ phiếu Largecaps. Các nhịp điều chỉnh không kéo dài lâu và tâm lý của dòng tiền đang thể hiện sự lạc quan rất tốt.

Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index tăng 0.7% lên 956.39 điểm; Upcom-Index tăng 0.38% và đóng cửa ở mức 50.48 điểm; trong khi HNX-Index giảm 0.56% xuống còn 106.16 điểm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng gần 70 tỷ đồng trên HSX, tuy nhiên lực bán chủ yếu tập trung ở VIC với tổng giá trị bán ròng 104 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu ngân hàng đã có sự phân hóa trong phiên chiều nay. TCB tăng gần trần, vượt qua VCB trở thành mã đóng góp nhiều nhất cho chỉ số. NVL đảo chiều từ đỏ sang xanh và cùng với MSN, PLX, BVH là những mã giúp cho thị trường có phiên tăng điểm thứ 4 liên tiếp. HAG và FLC cũng lấy lại được sắc xanh trong phiên chiều nay.

Ở chiều ngược lại, BID lùi về mốc tham chiếu trong khi CTG, VPB, STB, MBB đều giảm giá. Trên sàn HNX, ACB và SHB cũng giảm giá khiến nhóm ngân hàng trở thành áp lực của chỉ số trong phiên hôm nay. SAB, BHN đóng cửa ở mức giá giảm nhưng đã có sự hồi phục ở cuối phiên. Nhóm cổ phiếu có kết quả kinh doanh kém khả quan như PVS, HBC, VJC cũng giảm điểm so với ngày hôm qua.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

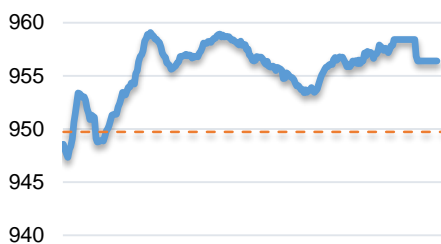
Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ xuất hiện nhịp điều chỉnh nhẹ hoặc rung lắc trong phiên ở phiên 01/08/2018. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực và rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp, thị trường chủ yếu xuất hiện các nhịp điều chỉnh nhẹ và không ảnh hưởng quá lớn lên xu hướng tăng ngắn hạn hiện nay. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu và dòng tiền ngắn hạn tiếp tục tăng cho nên xu hướng ngắn hạn đang rất bền vững.

Hệ thống chỉ báo xu hướng ngắn hạn của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và nâng mức cắt lỗ của hệ thống lên mức 911.32 điểm của chỉ số VN-Index và 100.99 của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và mở vị thế mua mới.

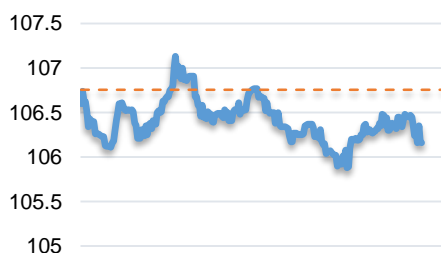
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 65% cổ phiếu/35% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

VNINDEX



HNX INDEX





We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.15	GIẢM	GIẢM		18.31				21.18		
ACB	35.80	TĂNG	GIẢM	35.60	32.43	0.56%			41.80		
ACV	84.50	TĂNG	GIẢM	84.50	83.63	0.00%	MUA		96.67		
BFC	26.00	TĂNG	GIẢM	27.00	24.61	-3.70%			28.97		
BHN	82.60	GIẢM	GIẢM		91.26				113.09		
BID	26.30	TĂNG	GIẢM	25.80	23.15	1.94%			31.14		
BMP	57.00	TĂNG	GIẢM	57.60	53.45	-1.04%			63.44		
BSR	15.70	TĂNG	GIẢM	15.80	14.28	-0.63%			20.28		
BVH	78.10	GIẢM	GIẢM		78.66				92.24		
BWE	17.55	TĂNG	GIẢM	17.70	16.69	-0.85%			19.20		
CEO	13.00	TĂNG	GIẢM	13.40	11.78	-2.99%			15.97		
CHP	23.55	TĂNG	TĂNG	23.50	22.74	0.21%		23.50	21.45	0.21%	
CSM	13.60	GIẢM	TĂNG		13.98			14.39	12.77	-5.49%	
CTD	151.90	TĂNG	TĂNG	149.50	140.84	1.61%		161.20	128.22	-5.77%	
CTG	23.60	TĂNG	GIẢM	24.00	22.35	-1.67%			28.07		
CTI	29.70	TĂNG	GIẢM	29.60	28.63	0.34%			33.12		
CVT	25.70	TĂNG	GIẢM	25.85	23.93	-0.58%			29.58		
DGW	23.50	TĂNG	GIẢM	23.90	21.72	-1.67%			26.51		
DHA	27.70	TĂNG	GIẢM	28.00	25.83	-1.07%			28.49		
DHC	40.00	GIẢM	GIẢM		40.57				43.99		
DHG	100.40	GIẢM	TĂNG		103.30			114.49	96.90	-12.31%	
DPG	40.90	TĂNG	GIẢM	40.90	39.39	0.00%	MUA		50.13		
DPM	18.45	TĂNG	GIẢM	17.70	17.27	4.24%			18.72		
DPR	38.70	GIẢM	GIẢM		39.34				41.25		
DQC	30.50	GIẢM	GIẢM		32.34				34.98		
DRC	24.55	GIẢM	TĂNG		24.64			24.30	18.94	1.03%	
DXG	26.00	TĂNG	GIẢM	23.75	23.67	9.47%			29.38		
ELC	8.91	GIẢM	GIẢM		9.59				11.21		
FCN	15.80	GIẢM	TĂNG		16.50			17.70	13.88	-10.73%	
FIT	4.23	GIẢM	GIẢM	4.36	4.49	3.00%	BÁN		5.21		
FMC	21.00	TĂNG	GIẢM	21.20	19.99	-0.94%			23.95		
FPT	42.80	TĂNG	GIẢM	42.90	40.89	-0.23%			46.52		
GAS	87.80	TĂNG	GIẢM	86.90	78.51	1.04%			103.15		
GIL	43.55	TĂNG	TĂNG	41.65	40.31	4.56%		34.90	40.00	24.79%	
GMD	26.30	TĂNG	GIẢM	25.40	23.75	3.54%			28.65		
GTN	11.40	TĂNG	TĂNG	9.20	10.61	23.91%		11.20	10.50	1.79%	MUA
HAG	7.62	TĂNG	TĂNG	5.01	6.69	52.10%		6.19	4.82	23.10%	
HAX	16.60	GIẢM	GIẢM		17.74				18.67		



We Create Fortune

HBC	21.20	GIẢM	GIẢM		23.09			27.24	
HDB	35.60	GIẢM	GIẢM		35.69			42.95	
HNG	17.25	TĂNG	TĂNG	8.36	15.34	106.34%	8.20	11.11	110.37%
HPG	37.35	TĂNG	GIẢM	37.20	34.88	0.40%		42.50	
HSG	11.25	TĂNG	GIẢM	11.55	10.50	-2.60%		13.38	
HT1	12.00	TĂNG	GIẢM	11.75	11.54	2.13%		12.91	
HUT	5.60	TĂNG	GIẢM	5.80	5.21	-3.45%		6.72	
HVN	36.20	TĂNG	GIẢM	33.00	33.11	9.70%		39.08	
ITD	11.30	GIẢM	TĂNG		12.62		12.40	11.14	-8.87%
KBC	11.95	TĂNG	GIẢM	12.10	11.43	-1.24%		13.24	
KDH	30.10	TĂNG	GIẢM	30.90	29.82	-2.59%		33.78	
KSB	32.60	GIẢM	GIẢM		33.06			37.77	
LCG	9.46	TĂNG	GIẢM	9.46	9.34	0.00%	MUA	10.06	
LDG	13.60	TĂNG	GIẢM	12.05	12.26	12.86%		15.06	
LIX	41.20	GIẢM	GIẢM		42.07			45.17	
LPB	9.90	GIẢM	GIẢM		11.07			13.11	
LSS	6.94	GIẢM	GIẢM		7.40			8.24	
MSN	84.20	TĂNG	GIẢM	79.10	76.44	6.45%		90.22	
MWG	116.80	TĂNG	TĂNG	112.00	106.91	4.29%	121.00	104.78	-3.47%
NKG	14.20	GIẢM	GIẢM		15.33			17.58	
NLG	30.60	TĂNG	GIẢM	29.80	28.62	2.68%		31.83	
NT2	27.15	GIẢM	GIẢM		27.47			28.69	
NTL	10.00	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-3.38%	10.45	8.94	-4.31%
NTP	45.40	GIẢM	GIẢM		45.55			51.18	
PAC	39.20	TĂNG	GIẢM	42.50	38.47	-7.76%		42.18	
PC1	32.60	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	0.93%		34.50	
PDR	26.40	GIẢM	GIẢM		26.41			29.57	
PGC	14.20	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.05%		15.68	
PHR	24.80	TĂNG	TĂNG	21.90	21.25	13.24%		23.77	
PLX	60.50	TĂNG	GIẢM	60.50	58.15	0.00%	MUA	67.88	
PNJ	96.50	TĂNG	GIẢM	90.30	87.45	6.87%		103.44	
POW	13.10	TĂNG	GIẢM	13.00	12.13	0.77%		13.91	
PPC	18.80	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	1.62%		19.21	
PTB	60.60	GIẢM	TĂNG		66.02		64.00	51.25	-5.31%
PVD	13.15	TĂNG	GIẢM	13.00	12.37	1.15%		16.34	
PVI	29.90	TĂNG	GIẢM	29.90	28.21	0.00%		33.76	
PVS	17.20	TĂNG	GIẢM	17.00	15.86	1.18%		20.82	
PXS	5.00	TĂNG	GIẢM	5.00	4.92	0.00%	MUA	6.11	
RAL	87.50	GIẢM	GIẢM		90.25			106.46	
REE	35.30	TĂNG	TĂNG	32.80	32.81	7.62%		34.97	
SAB	205.50	GIẢM	GIẢM		216.81			243.10	
SAM	7.13	TĂNG	GIẢM	7.00	6.67	1.86%		7.59	
SBV	27.40	TĂNG	GIẢM	27.00	26.39	1.48%		29.35	



We Create Fortune

SCR	9.38	TĂNG	GIẢM	8.75	8.46	7.20%		10.30		
SHI	6.40	TĂNG	TĂNG	7.00	6.38	-8.57%	6.99	5.88	-8.44%	
SJS	20.80	TĂNG	GIẢM	19.70	18.11	5.58%		21.87		
SKG	20.45	TĂNG	GIẢM	20.05	19.42	2.00%		21.27		
SSI	28.90	GIẢM	GIẢM		29.51			34.19		
STB	11.45	TĂNG	GIẢM	11.20	10.73	2.23%		12.71		
SVC	45.00	GIẢM	GIẢM		46.14			49.74		
TCM	19.20	TĂNG	GIẢM	17.80	17.66	7.87%		20.79		
TDH	11.80	GIẢM	GIẢM		12.71			14.21		
TLH	7.58	GIẢM	GIẢM		8.05			8.99		
TMT	5.11	GIẢM	GIẢM		5.35			8.25		
TNG	11.90	TĂNG	TĂNG	10.80	11.09	10.19%		11.90		
TYA	10.40	GIẢM	GIẢM		11.28			12.65		
VCB	58.50	TĂNG	GIẢM	57.50	53.09	1.74%		64.41		
VFG	38.00	GIẢM	TĂNG		40.21		34.39	33.47	10.49%	
VGC	17.70	GIẢM	GIẢM		19.28			22.65		
VHM	110.30	GIẢM	TĂNG		112.34					
VIB	27.30	TĂNG	GIẢM	27.60	25.83	-1.09%		30.67		
VIC	106.40	GIẢM	GIẢM		109.85			109.53		
VIP	7.27	TĂNG	GIẢM	6.95	6.87	4.60%		7.29		
VJC	144.40	TĂNG	GIẢM	144.50	129.77	-0.07%		154.12		
VNM	168.20	GIẢM	GIẢM		173.68			184.77		
VPB	27.10	GIẢM	GIẢM		28.92			33.19		
VRC	19.20	TĂNG	GIẢM	17.75	17.64	8.17%	19.35	19.26	-0.49%	MUA
VRE	40.60	TĂNG	GIẢM	43.00	38.75	-5.58%		44.98		
VSC	38.55	TĂNG	TĂNG	35.50	34.41	8.59%	35.30	29.50	9.21%	
VSH	17.40	TĂNG	TĂNG	17.20	16.93	1.16%	17.40	16.36	0.00%	



We Create Fortune

**Sàn GDCK TPHCM (HSX)**

	Điểm	Chg%
VNI	956.39	0.70
VN30	944.38	0.51
VN Mid	997.91	0.12
VN Small	810.02	0.37

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	457.55	
Bán	526.81	
GT ròng	(69.26)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HHS	280	6.8%
PMG	1,143	6.7%
ITA	170	6.7%
TCB	1,700	6.5%
SJF	1,300	6.5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TGG	(1,450)	-7.0%
FIT	(270)	-6.0%
TTF	(200)	-5.9%
HSG	(500)	-4.3%
EVE	(650)	-3.9%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	339,588	
VHM	295,561	
VNM	244,100	
VCB	210,469	
GAS	168,045	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	31.60	11.51
HAG	23.74	9.99
IDI	8.21	2.34
SSI	7.06	4.10
ASM	6.81	3.14

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

**Sàn GDCK Hà Nội (HSX)**

	Điểm	Chg%
HNI	106.16	(0.56)
HN30	190.35	(0.81)
VNX AllSh	1,354.40	0.22

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	16.69	
Bán	6.72	
GT ròng	9.97	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	400	3.5%
DGC	800	2.3%
DGL	700	2.1%
TV2	2,000	1.9%
SHS	100	0.7%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	(300)	-5.1%
VCS	(2,500)	-2.7%
SHB	(200)	-2.4%
TTB	(500)	-2.4%
VCG	(400)	-2.3%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	38,825	
VCS	14,240	
SHB	9,745	
VGC	7,936	
PVS	7,683	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
KLF	6.59	1.86
SHB	5.94	5.90
ACB	4.17	5.24
HUT	2.45	1.53
PVS	2.41	4.09

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

**Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)**

	Điểm	Chg%
UPCoM	50.48	0.38

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	36.75	
Bán	32.73	
GT ròng	4.02	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DVN	800	6.0%
ACV	4,000	5.0%
OIL	600	4.1%
VGT	200	2.2%
QNS	400	1.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MKP	(4,300)	-6.1%
LPB	(200)	-2.0%
HVN	(500)	-1.4%
POW	(100)	-0.8%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	183,967	
MCH	49,325	
BSR	48,678	
HVN	45,217	
GVR	32,000	

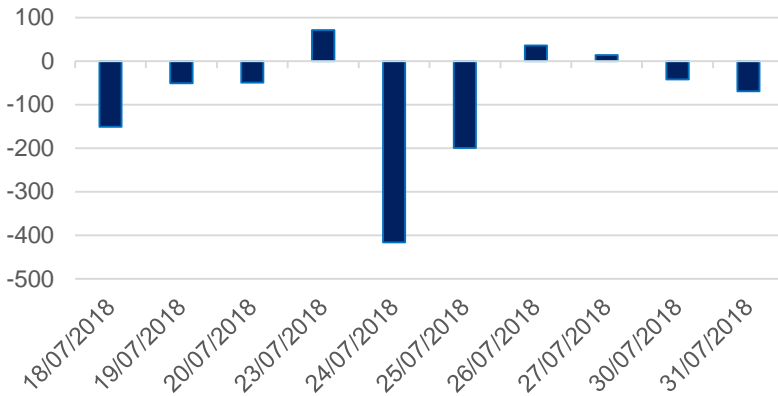
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
NQB	5.16	0.17
ART	4.50	1.67
BSR	1.45	1.28
LPB	1.41	1.58
OIL	1.10	0.76

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

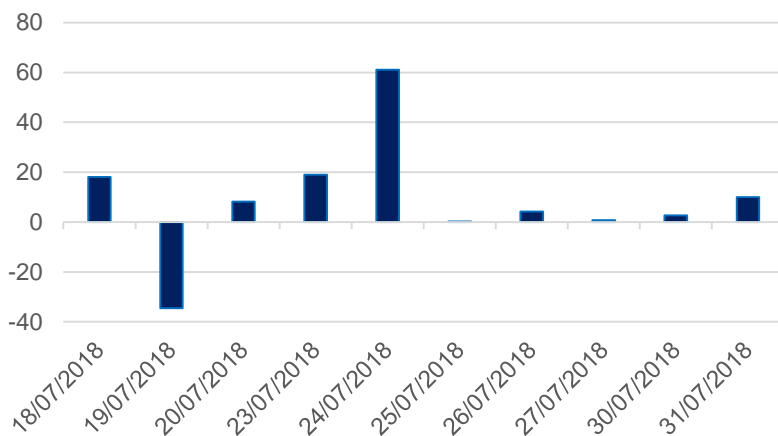
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
SSI	66,424	VIC	(104,063)
HDB	17,567	NVL	(25,395)
HPG	17,015	VRE	(24,582)
VCB	16,778	VNM	(17,136)
BID	16,301	MSN	(13,756)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

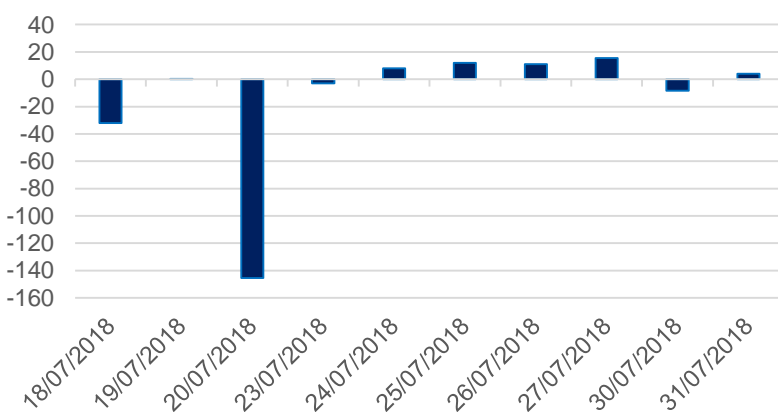
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VGC	3,946	HMH	(1,589)
SHS	3,027	KLF	(375)
DGL	1,884	CSC	(243)
DBC	505	DHT	(165)
VNR	483	KVC	(97)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VEA	4,518	BSR	(7,821)
POW	4,227	VGT	(3,494)
QNS	2,427	ACV	(323)
HVN	2,170	GVR	(194)
WSB	767	IFS	(149)

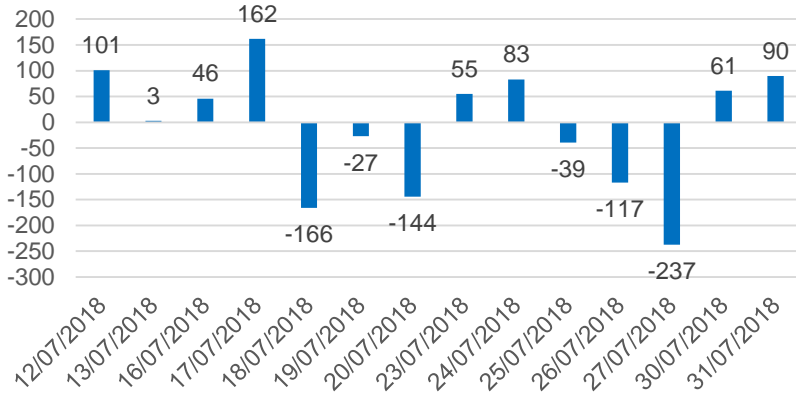
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

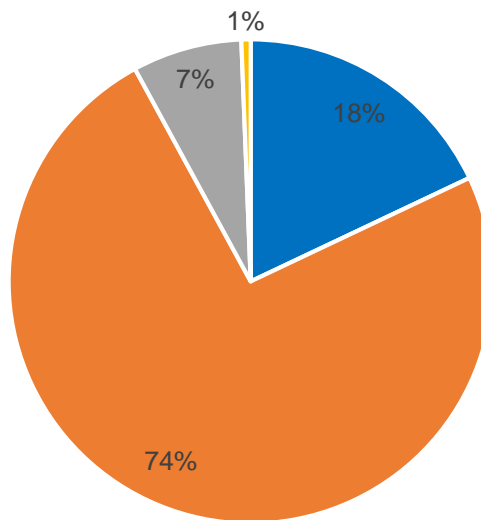


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
<b>VIC</b>	30,911	<b>MSN</b>	9,104
<b>MWG</b>	12,286	<b>VPB</b>	7,988
<b>MSN</b>	9,711	<b>HDB</b>	6,349
<b>HPG</b>	9,643	<b>HPG</b>	5,530
<b>VNM</b>	9,138	<b>VIC</b>	4,769

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



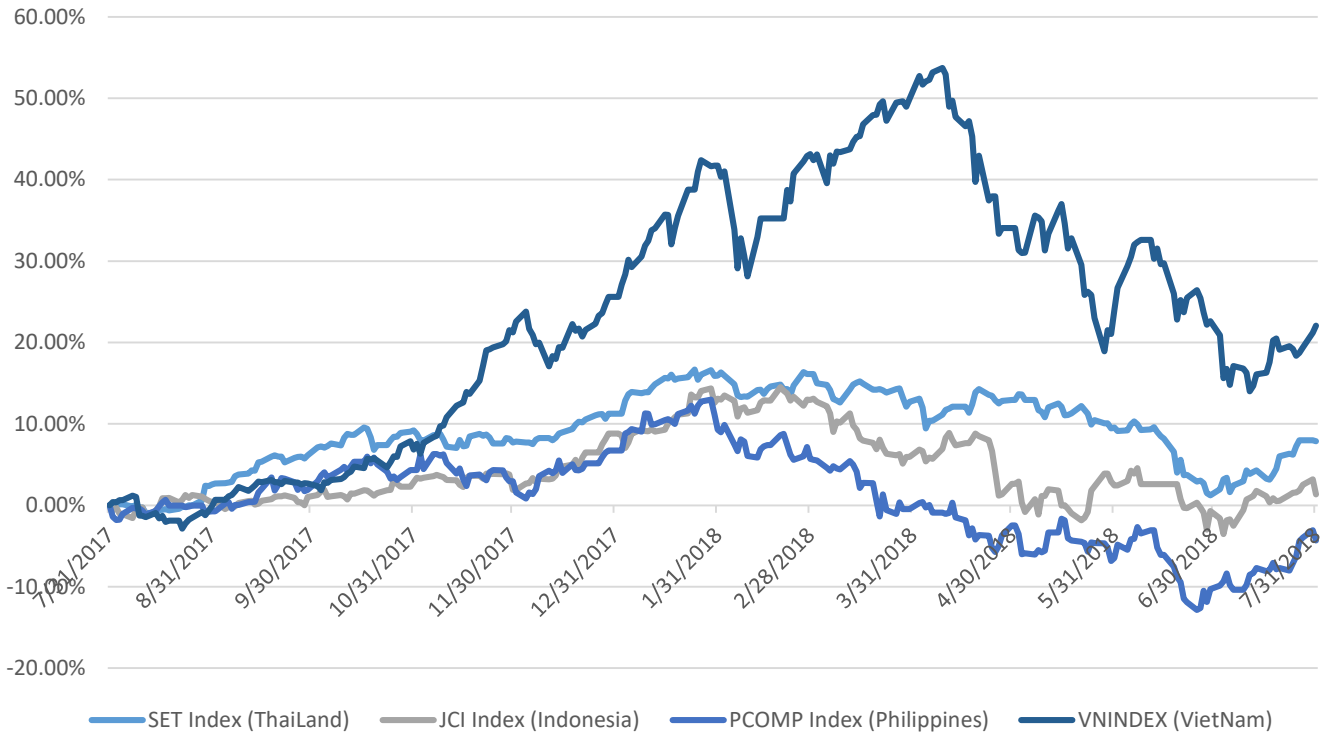
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

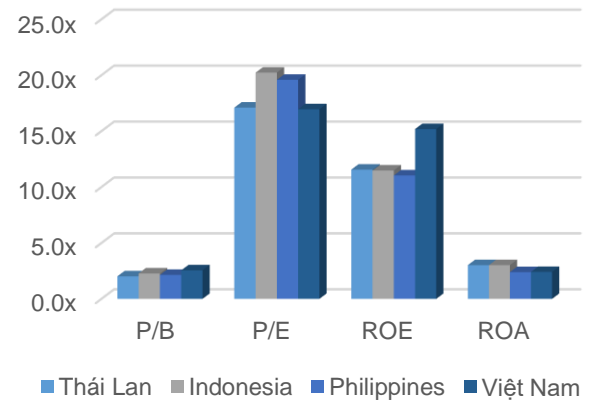
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.1x	2.6x
P/E		17.1x	20.2x	19.6x	17.0x
ROE	%	11.56	11.48	11.04	15.18
ROA	%	3.02	3.02	2.39	2.41
Vốn hóa	Tỷ USD	515.17	472.86	182.11	129.73
GTGD	Triệu USD	1.35	0.45	0.07	0.15
LS cổ tức	%	3.04	2.31	1.63	2.00

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written